

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-PT

Ngày 30-12-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng
10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2025/HNGĐ-ST ngày 13
tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2025/QĐ-PT ngày
16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1989; CCCD số
020189011*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công
an cấp ngày 09/01/2025; địa chỉ: thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc L, sinh năm 1982; CCCD số 020082000*** do
Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày
08/4/2021; địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Trịnh Ngọc L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân gia đình sơ
thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị G và bị đơn anh Trịnh Ngọc L kết hôn vào năm 2006, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/10/2006 (nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn).

Nguyên đơn trình bày đến năm 2011 thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bị đơn chơi bời không chăm lo cho gia đình, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng do con còn nhỏ nên nguyên đơn đã cho bị đơn cơ hội để cùng nhau nuôi dạy con, Tuy nhiên đến năm 2016 thì vợ chồng lại bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bị đơn chơi bời tụ tập rồi sử dụng ma túy. Năm 2018 nguyên đơn đi xuất khẩu lao động để kiếm thêm thu nhập nuôi các con, bị đơn lại tiếp tục chơi bời không chăm sóc các con. Năm 2019 bị đơn đã bị Công an lập hồ sơ và bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn (cũ) đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng, sau khi trở về nhà bị đơn lại tiếp tục chơi bời và sử dụng ma túy, không lo làm ăn. Vì thế cuộc sống vợ chồng ngày càng xảy ra mâu thuẫn, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2018 thì vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nhưng do thời điểm đó chưa ly hôn và có các con ở giữa nên nguyên đơn vẫn gửi tiền về bị đơn để lo các công việc, ngoài ra hàng tháng nguyên đơn vẫn gửi tiền cho ông bà nội (bố mẹ chồng) để nuôi các con đầy đủ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Bị đơn trình bày quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2010 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn bỏ nhà đi một thời gian. Đến năm 2011 lại về nhà và vợ chồng chung sống với nhau bình thường, năm 2012 bị đơn đi Trung Quốc làm ăn, năm 2018 bị đơn về thì vợ chồng vẫn bình thường với nhau không có mâu thuẫn gì. Sau khi bị đơn đi Trung Quốc về thì nguyên đơn đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ năm 2018, thời gian nguyên đơn đi nước ngoài thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không cãi chửi nhau nhưng nguyên đơn không liên lạc với bị đơn nữa, chỉ thi thoảng mới trả lời tin nhắn của bị đơn, bị đơn nghi ngờ nguyên đơn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm gì đến bị đơn, mỗi lần về nước hai vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau. Từ tháng 4/2025, nguyên đơn không về nhà nữa và đã chặn số của bị đơn nên từ tháng 7/2025 đến nay vợ chồng không liên lạc được với nhau. Bị đơn không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm, bị đơn chỉ nhất trí ly hôn nếu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng vì trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài thì bị đơn đã ở nhà chăm lo cho các con ăn học và chăm lo công việc gia đình hai bên nội, ngoại đầy đủ. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nguyên đơn không còn quan tâm gì đến bị đơn nữa; trước đây bị đơn có sử dụng ma túy, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn (cũ) ra Quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt

buộc với thời gian 18 (mười tám) tháng, sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện đến hiện nay bị đơn đã không còn sử dụng ma túy nữa.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Trịnh Hồng A, sinh ngày 15/5/2008 và cháu Trịnh Trung N, sinh ngày 05/6/2014. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trịnh Trung N đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trịnh Hồng A đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay nguyên đơn đang đi làm thuê, mức thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng. Bị đơn trình bày nếu trường hợp phải ly hôn thì bị đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 con. Bị đơn hiện nay đang làm nghề làm tóc ở xã V, tỉnh Lạng Sơn, mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng còn nguyên đơn hiện nay không có chỗ ở và việc làm ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thay đổi ý kiến, nhất trí với yêu cầu về con chung của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hỏi ý kiến của các cháu Trịnh Hồng A và cháu Trịnh Trung N: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu Trịnh Hồng A có nguyện vọng ở với bố (anh Trịnh Ngọc L), còn cháu Trịnh Trung N có nguyện vọng ở với mẹ (chị Hoàng Thị G).

Ông Trịnh Quang H và bà Đào Thị X (bố mẹ đẻ bị đơn) đều có ý kiến giữa hai vợ chồng chị Hoàng Thị G và anh Trịnh Ngọc L có mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào thì ông, bà không biết, chị Hoàng Thị G đi làm thuê, chị Hoàng Thị G vẫn về thăm gia đình và các con, hàng tháng vẫn gửi tiền về cho ông bà và anh Trịnh Ngọc L để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Kết quả xác minh với trưởng thôn H, xã V và chị Dương Thị M là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn đều có ý kiến là mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào thì không biết, tuy nhiên chị Hoàng Thị G đi làm xa chỉ thì thoảng mới về, mỗi lần về chỉ thăm con rồi lại đi, không ở nhà với anh Trịnh Ngọc L nữa và có nghe nói là chị Hoàng Thị G làm đơn ly hôn với anh Trịnh Ngọc L.

Bà Hoàng Thị L (mẹ đẻ nguyên đơn) trình bày: Bà không biết việc vợ chồng chị Hoàng Thị G và anh Trịnh Ngọc L có mâu thuẫn như thế nào, chỉ nghe chị Hoàng Thị G nói là anh Trịnh Ngọc L sử dụng ma túy, từ tháng 01/2025 chị Hoàng Thị G đã bỏ về nhà bà sinh sống, hiện nay đi làm thuê, trường hợp chị Hoàng Thị G ly hôn với anh Trịnh Ngọc L và được nuôi con thì gia đình bà sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ chị Hoàng Thị G về chỗ ở cũng như việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu, chị Hoàng Thị G đi làm thuê mức thu nhập trung bình hàng tháng 15.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Bắc

Sơn, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn) về việc năm 2019 Tòa án thụ lý hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc đối với anh Trịnh Ngọc L, kết quả xác minh cho thấy: Ngày 16/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn có thụ lý hồ sơ đưa vào cơ sở cải thiện bắt buộc đối với anh Trịnh Ngọc L.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2025/HNGĐ-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn với anh Trịnh Ngọc L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Trịnh Hồng A, sinh ngày 15/5/2008 và Trịnh Trung N, sinh ngày 05/6/2014. Khi ly hôn, giao con chung là Trịnh Trung N cho chị Hoàng Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao con chung là Trịnh Hồng A cho anh Trịnh Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Chị Hoàng Thị G và anh Trịnh Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định: Bị đơn anh Trịnh Ngọc L kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị G về việc yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung; đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị đơn anh Trịnh Ngọc L với số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Hoàng Thị G vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn trình bày chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Ngọc L. Bị đơn anh Trịnh Ngọc L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân và con chung, bị đơn rút yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần xuống còn 500.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đương sự có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng đã có mâu thuẫn, từ năm 2018 đến nay hai vợ chồng đã ly thân. Mặc dù bị đơn không muốn ly hôn nhưng lại có ý kiến chỉ chấp nhận ly hôn khi nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng, chứng tỏ bị đơn không coi trọng tình nghĩa vợ chồng mà đánh đổi bằng vật chất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Về tranh chấp nuôi con: Cả hai vợ chồng đều là lao động tự do, làm thuê có mức thu nhập mỗi người khoảng 15.000.000đồng/ tháng, cháu Trịnh Trung N có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Trịnh Hồng A có nguyện vọng ở với bố. Do đó, nếu giao 02 người con chung cho 01 người nuôi dưỡng là không phù hợp với khả năng kinh tế và điều kiện nuôi dưỡng, không đảm bảo cho sự phát triển của trẻ, không thể hiện được vai trò trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cũng nhất trí với yêu cầu về con chung của nguyên đơn, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Trịnh Trung N cho nguyên đơn, cháu Trịnh Hồng A cho bị đơn nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 500.000.000 đồng, thấy rằng yêu cầu bị đơn đưa ra không có căn cứ, tài liệu để chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Lạng Sơn. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Ngọc L nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ theo quy định tại Điều 273, 274 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Ngọc L đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị G về việc yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung; đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị đơn anh Trịnh Ngọc L với số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng), tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút xuống còn 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), thấy rằng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống vợ chồng, nguyên đơn chị Hoàng Thị G cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bị đơn không tu chí làm ăn, hay tụ tập bạn bè và còn sử dụng ma túy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện nay nguyên đơn xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn anh Trịnh Ngọc L cho

rằng vợ chồng anh vào năm 2010 có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có đánh chửi nhau nhưng đó chỉ là mâu thuẫn vợ chồng bình thường. Bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, nguyên đơn không còn quan tâm gì đến bị đơn nữa, nhưng bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Bị đơn cũng thừa nhận trước đây có sử dụng ma túy và năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (cũ) ra Quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 (mười tám) tháng, tuy nhiên hiện nay bị đơn đã không còn sử dụng ma túy nữa; ngoài ra, bị đơn còn có ý kiến chỉ nhất trí ly hôn nếu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng vì trong thời gian nguyên đơn đi nước ngoài thì bị đơn đã ở nhà chăm lo cho các con ăn học và lo liệu công việc gia đình hai bên nội, ngoại đầy đủ. Xét thấy, mặc dù bị đơn yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng vợ chồng mâu thuẫn với nhau và nguyên đơn đã không còn quan tâm đến bị đơn nữa. Từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bị đơn cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ngoài ra bị đơn còn có ý kiến chỉ nhất trí ly hôn nếu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng, điều đó chứng tỏ bị đơn không còn coi trọng tình nghĩa vợ chồng mà đánh đổi bằng vật chất; thực tế hai vợ, chồng đã không còn tình nghĩa, đã sống ly thân; không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cấp sơ thẩm xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn có ý kiến nhất trí với yêu cầu về con chung của nguyên đơn, tuy nhiên do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên cấp sơ thẩm xử giao con chung tên là Trịnh Trung N, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Hoàng Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao con chung tên là Trịnh Hồng A, sinh ngày 15/5/2008 cho anh Trịnh Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi các con chung là có căn cứ, phù hợp với khả năng kinh tế và điều kiện nuôi dưỡng của cả hai bên và để đảm bảo cho sự phát triển của trẻ, hơn nữa đó cũng là nguyện vọng của cháu Trịnh Trung N và Trịnh Hồng A.

[5] Đối với yêu cầu buộc nguyên đơn bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 1.000.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút xuống còn 500.000.000 đồng, thấy rằng: Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thiệt hại về tổn thất tinh thần, do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên nhận thấy, bị đơn anh Trịnh Ngọc L kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số

17/2025/HNGĐ-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[7] Về án phí phúc thẩm: Anh Trịnh Ngọc L kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng không được chấp nhận; căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trịnh Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách nhà nước.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Ngọc L; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2025/HNGĐ-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Anh Trịnh Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000418 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Anh Trịnh Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 3 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Lạng Sơn;
- Đường sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phùng Đức Chính